

Bản án số: 47/2020/DS-PT

Ngày: 08-5-2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Chí Keo

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Trần Thị Thúy Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự thẩm số: 183/2019/DS-ST, ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lý Thị Ngọc N, sinh ngày 04-4-1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh B, huyện CT, tỉnh An Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 21-11-2018. (có mặt)

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ 11, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh B, huyện CT, tỉnh An Giang. (có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thúc T, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp Kiến Q, xã Kiến T, huyện CM, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 28-02-2019. (có mặt)*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*3.1. Ông Trần Minh S (C), sinh năm 1975*

*Nơi cư trú: Tổ 11, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh B, huyện CT, tỉnh An Giang.*

*Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh S (Chon): ông Phạm Thái B, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 18, ấp Hòa L, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 15-3-2019. (có mặt)*

*3.2. Bà Võ Thị U, sinh ngày 15-12-1984. nơi cư trú: Tổ 13, ấp An B, xã Hội A, huyện CM, tỉnh An Giang. (vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07-12-2018, Biên bản lấy lời khai ngày 25-01-2019, nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N đã trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 02-5-2019 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thái B trình bày: Bà Lý Thị Ngọc N có tham gia chơi các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim D làm chủ như sau:*

*+ Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 19-10-2016 âm lịch, tổng số 22 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên N trong danh sách hụi số thứ tự 21, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 16, bà N bỏ lời hốt hụi nhưng bà D không giao tiền hốt hụi. Bà N đóng 15 hụi sống là 39.060.000đ.*

*+ Dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 20-3-2017 âm lịch, tổng số 25 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên Chon là tên chồng của bà N trong danh sách hụi số thứ tự 23, 1 phần hụi còn sống. Đến lần khui hụi thứ 11 thì bà D không cho bà N đóng hụi sống. Bà N đóng 10 hụi sống là 15.830.000đ.*

*Tổng cộng bà N đóng hụi sống cho bà D là 54.890.000đ*

*Nay, ông đại diện hợp pháp của bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét buộc bà Nguyễn Thị Kim D có nghĩa vụ trả lại bà N tiền hụi còn nợ là 54.890.000đ và yêu cầu tính lãi theo pháp luật kể từ tháng 01/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.*

*Đối với Dây hụi 5.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 15-4-2016 âm lịch, tổng số 21 phần, bà N không tham gia chơi dây hụi này mà có giới thiệu bà Võ Thị U tham gia chơi 2 phần của dây hụi này. Nay ông đại diện hợp pháp của bà N không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà D.*

*Tại Đơn phản tố ngày 28-3-2019, Bản tự khai ngày 27-02-2019, Biên bản lấy lời khai ngày 07-3-2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D đã trình bày. Tại Biên bản hòa giải ngày 02-5-2019, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thúc T*

*trình bày:* Bà Lý Thị Ngọc N có tham gia chơi các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim D làm chủ như sau:

+Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 19-10-2016 âm lịch, tổng số 22 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên N trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Hụi khui đến lần thứ 16 bà N bỏ lời hốt hụi nhưng bà D không giao tiền hốt hụi lý do là bà N còn nợ tiền đóng hụi chết của dây hụi 5.000.000đ. Bà N đóng 15 lần hụi sống là 39.080.000đ.

+Dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 20-3-2017 âm lịch, tổng số 25 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên Chơn là tên chồng của bà N trong danh sách hụi, 1 phần hụi còn sống. Đến lần khui hụi thứ 11 thì bà N yêu cầu hốt hụi, bà D không cho bà N hốt hụi lý do là bà N còn nợ tiền đóng hụi chết của dây hụi 5.000.000đ. Bà N đóng 10 lần hụi sống là 16.130.000đ.

Tổng cộng 2 dây hụi trên bà N đã đóng hụi sống cho bà D là 55.210.000đ. Bà D đồng ý trả cho bà N số tiền này. Bà D không đồng ý với yêu cầu tính lãi của bà N.

+Dây hụi 5.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 15-4-2016 âm lịch, tổng số 21 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên N trong danh sách hụi, 1 phần hụi đã hốt hụi ở lần khui hụi thứ 2 ngày 15-5-2016 âm lịch. Sau khi hốt hụi bà N đóng hụi chết được 2 lần và không tiếp tục đóng hụi chết. Bà D đã đóng hụi chết thay bà N 17 lần là 85.000.000đ. Nay ông đại diện hợp pháp của bà D yêu cầu bà N trả lại bà D số tiền hụi bà D đã đóng thay là 85.000.000đ.

*Tại Bản tự khai ngày 13-02-2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh S đã trình bày. Tại biên bản hòa giải ngày 02-5-2019 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thái B trình bày:* Bà Lý Thị Ngọc N có tham gia chơi các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim D làm chủ. Đối với dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui một lần, khui lần đầu ngày 20-3-2017 âm lịch, tổng số 25 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên Chơn là do bà D tự ghi tên ông, ông xác định không tham gia chơi hụi với bà D. Tiền đóng hụi là do vợ chồng dành dụm, tích lũy là của chung vợ chồng.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị U đã trình bày:* Bà là đồng nghiệp dạy chung trường khi bà dạy học tại xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Bà không có quan hệ bà con gì với bà N. Khi bà dạy học tại xã Tân Phú, bà sinh sống cùng xóm với bà D; bà không có quan hệ bà con gì với bà D. Bà có tham gia chơi hụi do bà D làm chủ, dây hụi tháng 5.000.000đ, mỗi tháng khui một lần; bà không nhớ ngày khui hụi lần đầu; tổng số 22 phần, bà tham gia 2 phần. Bà D có giao sổ hụi cho bà; bà D ghi 1 phần hụi ghi tên U, 1 phần hụi tên N; bà có xem lại là bà D đã ghi đúng số phần hụi bà tham gia chơi nhưng sai tên và bà có yêu cầu bà D sửa nhưng bà D không sửa. Bà đã hốt 2 phần hụi; bà đóng hụi sống 2 lần, đến lần khui hụi thứ 3, thứ 4 thì hốt hụi; sau đó bà đóng hụi chết 12 lần; còn nợ lại 6 lần hụi chết là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Bà có tham gia khui hụi, có lần đầu bà có rủ bà N đi theo khui

hụi. Bà tham gia chơi hụi với bà D là do bà N giới thiệu. Bà N có tham gia chơi hụi với bà D. Dây hụi 5.000.000đ này bà N không tham gia chơi. Bà N yêu cầu bà đến Tòa án để ghi lời khai xác định bà N không tham gia chơi dây hụi 5.000.000đ với bà D.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-3-2019, những người làm chứng bà Nguyễn Thị Cẩm Lệ (7 Đáng), bà Lê Thị Phụng đã trình bày:* Bà có tham gia chơi 3 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim D làm chủ như sau:

Dây hụi 3.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui 1 lần, khui lần đầu ngày 19-10-2016 âm lịch. Hụi đã mãn hụi.

Dây hụi 2.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui 1 lần, khui lần đầu ngày 20-3-2017 âm lịch.

Dây hụi 5.000.000đ, hụi tháng, mỗi tháng khui 1 lần, khui lần đầu ngày 15-4-2016 âm lịch, tổng số 21 phần, bà tham gia 1 phần, bà đã hốt hụi. Dây hụi 5.000.000đ, bà Lý Thị Ngọc N có tham gia chơi 1 phần và đã hốt hụi. Bà không biết rõ việc bà N đóng hụi chết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-3-2019, người làm chứng bà Võ Thị T1, bà Nguyễn Thị D1 (2 Phong) đã trình bày:* Bà có tham gia chơi 2 dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim D làm chủ như sau:

Bà tham gia hụi 3.000.000đ và hụi 5.000.000đ/tháng, mỗi tháng khui 1 lần, khui lần đầu ngày 15-4-2016 âm lịch, hụi đã kết thúc. Dây hụi này, bà Lý Thị Ngọc N có tham gia chơi 1 phần, bà N có tham gia khui hụi và đã hốt hụi.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20-6-2019, người làm chứng ông Nguyễn Cửu B đã trình bày:* Ông là Trưởng Ban ấp An Bình, xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông có biết bà Võ Thị U là cô giáo, là con của ông Võ Quang Đức đã chết và bà Phạm Thị Ràng còn sống. Bà U có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà ông Đức nhưng hiện nay bà U không sinh sống tại nhà ông Đức bà Ràng; ông không biết rõ bà U sinh sống tại đâu.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2019/DS-ST, ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân Châu Thành đã quyết định:*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N.

[2] Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải trả một lần cho nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N số tiền nợ hụi là 64.998.000đ (sáu mươi bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng).

[3] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D.

[4] Buộc nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N phải trả một lần cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D số tiền nợ hụi là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm trả và yêu cầu thi hành án của đương sự.

*Ngày 31/12/2019, Bà Lý Thị Ngọc N kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại án sơ thẩm, không chấp nhận phản tố của bị đơn.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện nguyên đơn nêu các căn cứ để không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn;

1. Bà D cho rằng bà N không có điều kiện, hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có tiền đóng hui chết của dây 5.000.000đ, thì không có chuyện lại cho bà N tham gia 02 phần hui của hui 3.000.000đ, hui 2.000.000đ

2. Bà Võ Thị U là người liên quan trong vụ án, lời khai của bà được Ủy ban nhân dân xã chứng thực, bà thừa nhận bà tham gia dây hui 5.000.000đ, với 02 phần hui, do bà D ghi tên N, bà có yêu cầu chỉnh tên lại nhưng bà D nói không có gì; lời khai này phù hợp với lời khai của bà Ngô Thị Thúy, Nguyễn Thị Kim Anh và ông Nguyễn Duy Hoài chồng của bà U.

3. Chứng cứ quan trọng nhất chứng minh bà N có tham gia và hót hui là biên nhận giao nhận tiền hui của bà D giao tiền cho bà N như Nghị định 19 của Chính phủ quy định về Họ, hui, biểu phường,...

Từ những phân tích trên, các lời khai của những người làm chứng là chứng cứ nên yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D.

Đại diện bị đơn phản bác bởi các lý lẽ sau:

1. Những người tham gia dây hui 5.000.000đ, có bà Tền, bà Cẩm Lệ, bà Phượng, bà Dũng và bà Hiếu ...là những người không mâu thuẫn với bà N, thậm chí có người là sui gia với bà N, những người này đã được Tòa án Châu thành tiến hành lấy lời khai đều xác định bà N có tham gia dây hui 5.000.000đ và bà N đã hót hui.

2. Về số tiền hót hui có sai lệch là do cộng nhầm, bà D cho bà N tham gia 02 dây hui 3.000.000đ, 2.000.000đ là nhằm hỗ trợ cho bà N vì là họ hàng với nhau, khi bà N hót dây 5.000.000đ không châu hui chết nên khi bà N tham gia 02 dây hui 3.000.000đ, 2.000.000đ...thì các bên đã thỏa thuận cản trừ nên sự việc đã trên 01 năm không tranh chấp, chứng tỏ sự việc được các bên giải quyết xong;

3. Bà D từng làm chủ hui trên 05 năm, khi giao tiền hót hui thì kèm tờ giấy tính tiền, bà D không giữ phiếu này gì là thân thiết với nhau;

Đây là sự thật khách quan, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lời khai của bà U, Thúy, Kim Anh, Hoài,...giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

*[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến.*

- Về tố tụng vụ án: Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng nghị án bản án.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về tính lãi, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực pháp luật;

Đối với yêu cầu về nội phản tố, bà D cung cấp dây hụi 5.000.000đ/tháng, khởi sự ngày 15-4-2016 âm lịch, tổng số 21 phần, bà N tham gia 1 phần lấy tên N trong danh sách hụi, bà hốt kỳ 2 bỏ lời 650.000đ, lĩnh tiền hụi 81.550.000đ (BL 67, 235). Ngoài các nhân chứng Nguyễn Thị Cẩm Lệ, Lê Thị Phụng, Võ Thị Tền và Nguyễn Thị Dúng là hụi viên tham gia dây hụi này trình bày: “Bà N có tham gia gia góp hụi, đi khai hụi và đã hốt hụi” (BL 70 đến 77). Cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai với nội D chung chung, không nêu cụ thể mà chấp nhận phản tố của bị đơn là chưa xem xét toàn diện khách quan vụ án, chưa giải quyết mâu thuẫn về chứng cứ mà bị đơn cung cấp, cụ thể:

- Danh sách hụi 5.000.000đ, ghi bà N bỏ lời 850, nhưng phần trình bày của bà D tại BL 67 lại cho rằng bà N hốt kỳ 2 bỏ lời 650.000đ, nếu thực tế bà D tham gia và hốt hụi, bỏ lời 650.000đ, thì số tiền lĩnh hụi  $4.350.000đ \times 19 \text{ phần sống} = 82.650.000đ + 01 \text{ phần chết } 5.000.000đ = 87.650.000đ$ , trừ tiền hoa hồng thì cũng không thành số tiền: 81.550.000đ;

Hụi khởi sự ngày 15/4/2016AL, nếu thực sự bà N tham gia hốt kỳ 02 và góp 02 kỳ hụi chết như bà D trình bày (15/4, 15/5, 15/6, 15/7/2016Al) thì ngưng không góp hụi nữa, tức vi phạm nghĩa vụ của hụi viên. Nhưng hơn 03 tháng sau ngày 19/10/2016Al lại tiếp tục cho bà N tham gia dây hụi 3.000.000đ/tháng là rất phi lý.

Bà D không chứng minh được bà N hốt hụi kỳ 2, không đưa ra được sổ giao nhận tiền hụi hoặc biên nhận giao nhận tiền hụi cho bà N;

Người làm chứng Trần Thị Kim Anh trình bày: “Tại thời điểm bà D (6 Re) còn bán bánh mì ở chợ Kinh, khi bà đi chợ thì bà D có kêu lại hỏi thăm con U giờ sao rồi, tôi nói nó đi rồi bà ơi, tiền tôi vay giùm nó hai mươi mấy triệu nó có nói gì đâu. Bà 6 Re than nó thiếu tiền hai phần hụi chết 5.000.000đ/tháng tổng cộng tám chín chục triệu, tiền của mày nữa còn trừ tiền nghỉ việc, còn tiền của tao mà nó không trả tao bắt con N phải trả. Tôi có nói lại việc này với chị N và khi chị N hốt hụi thì 6 Re không châu” (BL100);

Bà Ngô Thị Th (dì chồng của Võ Thị U) trình bày: “Bà D có tìm đến nhà để đòi nợ, bà D nói con U chơi hai đầu hụi 5.000.000đ/tháng, hốt hai lần trên một trăm bảy chục triệu, tôi mới nói số tiền rất lớn khi giao không cho chồng nó biết, lương giáo viên mỗi tháng bao nhiêu, bà dám cho nó chơi và hốt hết hai đầu, nó lấy tiền đâu mỗi tháng châu bà 10.000.000đ và cho biết U đã ly hôn với cháu bà” (BL 99)

Ông Nguyễn Duy H (Chồng bà Võ Thị U đã ly hôn) trình bày: “ Sau khi vợ tôi vỡ nợ, bà D và cô N có đến nhà vài lần gặp tôi để trình bày việc vợ tôi còn thiếu tiền hai đầu hụi chết 5.000.000đ/tháng còn lại khoảng 90,000.000đ (BL 97)

Như phân tích trên, bà D phản tố chỉ cung cấp được danh sách hụi có tên bà N, ghi bỏ hụi lời không thống nhất, mẫu thuẫn, các hụi viên trình bày chung chung, không đưa ra được sổ nên kháng cáo của bà N có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà N áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Lý Thị Ngọc N kháng cáo trong hạn và có nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo phúc thẩm đúng quy định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim D không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3] Bà N kháng cáo cho rằng bà không tham gia dây hụi 5.000.000đ, hụi này mở ngày 15/4a1/2016 do bà D làm chủ, bà không hốt hụi nên bà không có trách nhiệm góp hụi chết 85.000.000đồng như nội dung phản tố của bà D. Như vậy, nghĩa vụ của bà D phải đưa ra các tài liệu, giấy tờ có cơ sở để chứng minh bà N đã tham gia góp hụi, hốt hụi và phải có nghĩa vụ góp 85.000.000đ tiền hụi chết.

[4] Để chứng minh bà N tham gia hụi và hốt hụi, bà D cung cấp danh sách hụi 5.000.000đ/tháng, mở ngày 15/4a1/2016, có tên Cô N, số thứ tự 18 chính bà Lý Thị Ngọc N là nguyên đơn trong vụ án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ bằng cách lấy lời khai của các hụi viên trong dây hụi 5.000.000đ này, thì các bà: Tền, Cẩm Lệ, Phượng và bà Dúng đều có lời khai: “Bà N có tham gia dây hụi 5.000.000đ, khi khai có mặt của bà N tại nhà bà D và bà đã hốt hụi, nhưng không biết có góp hụi chết hay không”. Ngoài những lời khai củng cố cho yêu cầu phản tố của bà D thì cũng có lời khai chứng minh bà N không tham gia dây hụi này, cụ thể: Bà Thúy trình bày: “ Bà D nói con U chơi hai đầu hụi 5.000.000đ (BL 99),...”; bà Kim Anh trình bày: “Bà 6 Re (bà D) than nó thiếu tiền hai phần hụi chết 5.000.000đ/tháng tổng cộng tám chín chục triệu, tiền của mày nữa còn trừ tiền nghỉ việc, còn tiền của tao mà nó không trả tao bắt con N phải trả (BL100)”; ông H trình bày: “bà D và cô N có đến nhà vài lần gặp tôi để trình bày việc vợ tôi còn thiếu tiền hai đầu hụi chết 5.000.000đ/tháng còn lại khoảng 90.000.000đ (BL 97),...” những lời khai này phù hợp với chính lời khai của bà Võ Thị U cũng là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà U có Bản tường trình được UBND xã Vĩnh B chứng thực số 596, ngày 24/6/2019, chính bà xác nhận bà có tham gia 02 phần hụi 5.000.000đ/tháng, mở ngày 15/4a1/2016, lấy tên U, sau này bà biết bà D ghi tên N,

bà có yêu cầu sửa lại nhưng “bà D nói ghi để có tên thôi, nhưng bà D không sửa” (BL 171).

[5] Như vậy, những lời khai của các hội viên và những người được trực tiếp nghe bà D nói thì chưa đủ căn cứ xác định bà N có tham gia dây hội 5.000.000đ, và đã hốt hội nhưng không góp hội chết cho bà D. Trong vụ án này, chứng cứ trực tiếp mà bà D phải cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ: Phải là Giấy biên nhận tiền hội hoặc là giấy giao nhận tiền hội hoặc bà N thừa nhận có tham gia và đã hốt hội, trong hồ sơ vụ án không có những nội dung cơ bản và chủ yếu này được quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hội...và theo tập quán chơi hội tại địa phương: Khi giao tiền hội, chủ hội yêu cầu người hốt hội phải ký tên nhận tiền hội, nội dung của giấy này thể hiện: tên người hốt hội, số tiền bỏ hội, kỳ hốt hội, bao nhiêu phần sống, bao nhiêu phần chết, tiền hội, tiền hoa hồng và số tiền thực nhận,... Ngoài ra, bà N còn yêu cầu bà D cung cấp giấy tờ về tiền hội liên quan đến việc bà Võ Thị U đã hốt hội và giao tiền hội, xem hốt 01 phần hay 02 phần hội 5.000.000đ, nếu bà U đã hốt hết 02 phần thì chứng minh bà N không tham gia dây hội này, nhưng bà D cũng không cung cấp được các chứng cứ này.

[6] Người đại diện cho nguyên đơn trình bày, cũng như lập luận của Đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang là phù hợp với thực tế khách quan: Trường hợp, nếu bà N thực sự khó khăn về tài chính, đã hốt hội 5.000.000đ ngày 15/5a/2016, chỉ góp được 02 tháng, sau đó ngưng, không lý gì 03 tháng sau kể từ ngày bà N không góp hội chết mà bà D lại cho bà N tiếp tục tham gia dây hội 2.000.000đ (mở ngày 20/10a/2016) và 08 tháng sau cho tham gia tiếp dây hội 3.000.000đ (mở ngày 20/3a/2017), và thực tế các dây hội này bà N chưa hốt hội và góp tiền hội đầy đủ; tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà D, cũng như bà D cho rằng vì là họ hàng, tạo điều kiện và hỗ trợ tài chính cho nhau nên mới cho bà N tham gia 02 dây hội 2.000.000đ, 3.000.000đ những lập luận trên thiếu tính thuyết phục, thiếu căn cứ. Ngoài ra, bà D trình bày có nội dung không thống nhất, thiếu chính xác về số tiền hốt hội, cụ thể: Tại Biên bản lấy lời khai (BL 67), bà D khai: Bà N bỏ hội lời 650.000đ; nếu hốt hội 650.000đ thì số tiền hốt hội: 19 phần sống x 4.350.000đ= 82.650.000đ, cộng với 01 phần hội chết: 5.000.000đ, thành tiền: 87.650.000đ, trừ 2.500.000đ tiền hoa hồng, tiền thực nhận: 85.150.000đ; còn tại danh sách hội gửi cho Tòa thì ghi hốt 850 (được hiểu 850.000đ) và tại phiên tòa, bà D khai: bà N bỏ hội lời 850.000đ thì tiền hốt hội: 19 phần sống x 4.150.000đ= 78.850.000đ, cộng với 01 phần hội chết: 5.000.000đ, thành tiền: 83.850.000đ, trừ hoa hồng: 2.500.000đ, thì tiền thực nhận: 81.350.000đ nhưng trong đơn phản tố bà D yêu cầu số tiền: 81.550.000đ. Như vậy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà D, người đại diện của bà D không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D đối với bà N.

Kháng cáo của bà N có căn cứ như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm.



[7] Những nội dung khác của bản án sơ thẩm đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí sơ thẩm của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ 64.998.000.000đ và án phí phản tố không được Tòa án chấp nhận 85.000.000đ, tổng cộng phải chịu: 7.499.400đ (làm tròn: 7.499.000đ), khấu trừ số tiền 2.125.000 đồng theo biên lai thu số: 0014204, ngày 29/3/2019, bà D còn phải nộp: 5.374.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[9] Về án phí phúc thẩm: Bà N kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0006767 ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà D không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lý Thị Ngọc N.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 183/2019/DS-ST, ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân Châu Thành.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 2 Điều 305; Điều 479 của Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 357, 429, 468 và 471; Điểm a, d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 14, 15, 17, 21, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N.

[2] Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N số tiền nợ hui là 64.998.000đ (sáu mươi bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn đồng).

[3] Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu bà Lý Thị Ngọc N phải trả cho bà 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) tiềnhui phải góp.

[4] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà N không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc N 1.550.000đ (một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013916 ngày 02-01-2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 7.499.000đ, khấu trừ số tiền 2.125.000 đồng theo biên lai thu số: 0014204, ngày 29/3/2019, bà D còn phải nộp: 5.374.000đ (Năm triệu, ba trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Lý Thị Ngọc N 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0006767 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà D không phải chịu án phí phúc thẩm.

Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA-DS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Keo**

